TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HS-ST.
Ngày 17-02-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông P. L. L.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông P. T. L.
2. Bà N. T. T. V.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà N. H. H. T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông L. Đ. A – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số: 47/2022/TLST-HS, ngày 05 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2023 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/HSST-QĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 và số 04/2023/HSST-QĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **H. C. V**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 30/6/1996 tại A, B; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện A, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông: H. V. H (sinh năm 1967) và bà: C. T. A (sinh năm 1967); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24.8.2022 cho đến ngày 30.8.2022 thì được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã D, huyện A, tỉnh B cho đến nay. (*Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa*).

2. Họ và tên: **N. X. T**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 22/12/2002 tại A, B; nơi cư trú: Thôn E, xã D, huyện A, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: N. X. T (sinh năm 1981) và bà: T. T. P (sinh năm 1979); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24.8.2022 cho đến ngày 30.8.2022 thì được áp dụng biện pháp Cấm đi

khỏi nơi cư trú tại xã D, huyện A, tỉnh B cho đến nay. (*Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa*).

3. Họ và tên: **P. X. H**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 25/4/1999 tại A, B; nơi cư trú: Thôn G, xã D, huyện A, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông: P. X. H (chết) và bà: B. T. T (sinh năm 1964); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24.8.2022 cho đến ngày 30.8.2022 thì được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã D, huyện A, tỉnh B cho đến nay. (*Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa*).

4. Họ và tên: **N. V. H**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 10/01/1999 tại A, B; nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện A, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Thợ điện; con ông: N. V. T (sinh năm 1969) và bà: N. T. N. N (sinh năm 1972); vợ: V. T. H. H, sinh năm 1999; con: 01 con, sinh ngày 09.02.2023; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24.8.2022 cho đến ngày 30.8.2022 thì được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã D, huyện A, tỉnh B cho đến nay. (*Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa*).

5. Họ và tên: **N. B. Q**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 15/4/1992 tại A, B; nơi cư trú: Thôn G, xã D, huyện A, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không; nghề nghiệp: Không; con ông: N. T (sinh năm 1963) và bà: N. T. H (sinh năm 1972); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã D, huyện A, tỉnh B từ ngày 30.8.2022 cho đến nay. (*Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa*).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo N. B. Q: Mẹ ruột của bị cáo N. B. Q – Bà N. T. H; Sinh năm: 1972; nơi cư trú: Thôn G, xã D, huyện A, tỉnh B (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo N. B. Q: Ông N. A. Q – Trợ giúp viên pháp lý. Địa chỉ: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14h ngày 24/8/2022, H. C. V điện thoại rủ N. X. T, P. X. H và N. V. H đến bãi đất trống phía sau chùa Hang thuộc thôn X, xã D, huyện A để đánh bạc dưới hình thức đánh: Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai (gọi tắt là Bầu Cua), thắng thua bằng tiền trái phép thì cả ba đồng ý. V mang theo 01 bộ dụng cụ dùng để đánh bạc gồm: 01 tô nhôm, 01 đĩa nhôm, 01 bộ Bầu Cua và điều khiển xe mô tô chở N. V. H đến địa điểm đã hẹn. Sau đó, thì N. X. T, P. X. H và N. B. Q đến

tham gia đánh bạc. V đưa bộ Bầu Cua cho T cầm cái và để các con bạc tham gia đặt cược. Khi tham gia đánh bạc, các con bạc quy định mỗi người chỉ được đặt cược tối đa là 400.000đ cho một lượt chơi.

Trong quá trình đánh bạc, N. X. T dùng số tiền 1.540.000đ để cầm cái và thua số tiền 1.040.000đ; H. C. V dùng số tiền 1.000.000đ để đánh bạc và thua số tiền 500.000đ; P. X. H dùng số tiền 750.000đ để đánh bạc và thắng được số tiền 600.000đ; N. V. H dùng số tiền 1.400.000đ để đánh bạc và thắng được số tiền 600.000đ; N. B. Q dùng số tiền 3.000.000đ để đánh bạc và thắng được số tiền 340.000đ.

Chiếu đánh bạc đến khoảng 18h cùng ngày thì bị Tổ công tác của Công an huyện A và phòng PC02 Công an tỉnh B bắt quả tang, N. X. T và H. C. V đã bỏ chạy thoát, sau đó đã ra đầu thú vào tối cùng ngày; tiến hành thu giữ trên chiếu bạc, trong người các con bạc số tiền dùng để đánh bạc và dụng cụ đánh bạc. Cụ thể:

- Tổng số tiền dùng để đánh bạc là: 7.690.000đ (bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

- Dụng cụ để đánh bạc, gồm: 03 hộp xúc xắc hình lập phương; 01 tờ giấy có in hình các con Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 01 tô nhôm, 01 đĩa nhôm và 01 tấm bạt dùng để ngồi đánh bạc.

Qua quá trình điều tra, nhận thấy bị cáo N. B. Q có dấu hiệu về mặt bệnh lý do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tiến hành trưng cầu giám định.

Theo Kết luận Giám định pháp y tâm thần số 1802/KLGĐ ngày 21/10/2022 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền Trung đối với N. B. Q, kết luận:

1. Trước thời điểm gây án:

- Kết luận về y học: Động kinh cơn lớn có biến đổi trí năng, nhân cách (G40).

- Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

2. Tại thời điểm gây án:

- Kết luận về y học: Động kinh cơn lớn có biến đổi trí năng, nhân cách (G40).

- Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

3. Thời điểm hiện tại:

- Kết luận về y học: Động kinh cơn lớn có biến đổi trí năng, nhân cách (G40).

Đối tượng cần được điều trị ngoại trú liên tục.

- Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã thu giữ: 03 hộp xúc xắc hình lập phương; 01 tờ giấy có in hình các con Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 01 tô nhôm; 01 đĩa nhôm; 01 tấm bạt và số tiền 7.690.000đ tiền Việt Nam (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng kèm theo, đã chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B bảo quản).

Tại bản cáo trạng số: 39/CT-VKSPC, ngày 01/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo H. C. V, N. X. T, P. X. H, N. V. H và N. B. Q về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo H. C. V, N. X. T, P. X. H, N. V. H và N. B. Q về tội: "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo H. C. V, N. X. T, P. X. H, N. V. H và N. B. Q phạm tội "Đánh bạc".

Về trách nhiệm hình sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt các bị cáo H. C. V và N. X. T phạt từ 22.000.000đ đến 25.000.000đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt các bị cáo P. X. H và N. V. H phạt từ 20.000.000đ đến 22.000.000đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 34; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo N. B. Q hình phạt cảnh cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo H. C. V, N. X. T, P. X. H, N. V. H và N. B. Q đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến gì. Lời nói sau cùng các bị cáo cơ bản đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo N. B. Q – Ông N. A. Q phát biểu quan điểm bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo, mức độ bệnh tật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và áp dụng hình thức cảnh cáo đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Qua quá trình điều tra, đã xác định có bị cáo N. B. Q đã có dấu hiệu về mặt bệnh lý, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tiến hành trưng cầu giám định và có kết luận Giám định pháp y tâm thần của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền Trung đã xác định bị cáo N. B. Q bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác như biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ v vật chứng có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Khoảng 18h ngày 24.8.2022, H. C. V, N. X. T, P. X. H, N. V. H và N. B. Q đã cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức đặt bầu cua thắng thua bằng tiền tại bãi đất trống phía sau chùa Hang thuộc thôn X, xã D, huyện A. Trong lúc các con bạc đang sát phạt nhau thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A và phòng PC02 Công an tỉnh B bắt quả tang thu giữ với tổng số tiền đánh bạc trên chiếu bạc và trong người các con bạc là 7.690.000^{đ} (bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Xét tính chất vụ án có nhiều người cùng tham gia nhưng chỉ mang tính đồng phạm giản đơn. Trong đó vai trò của H. C. V là người khởi xướng, rủ rê và chuẩn bị dụng cụ để đánh bạc; N. X. T là người trực tiếp cầm cái đánh bạc và chung chi thắng thua bằng tiền. Do đó, phải xét xử các bị cáo này với mức án nghiêm khắc.

Các bị cáo P. X. H, N. V. H và N. B. Q là những người tham gia đánh bạc. Xét tính chất mang tính đồng phạm giản đơn, các bị cáo cơ bản là những người lương thiện chỉ vì ham vui nên đã phạm tội, do đó, các bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng và an toàn xã hội ở địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của các bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại về mặt xã hội đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố các bị cáo H. C. V, N. X. T, P. X. H, N. V. H và N. B. Q về tội: "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo H. C. V, N. X. T, P. X. H, N. V. H và N. B. Q phạm tội: "*Đánh bạc*" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo H. C. V, N. X. T, P. X. H, N. V. H và N. B. Q phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này, không có phạm tội nào khác. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với hai bị cáo H. C. V và N. X. T là những bị cáo có vai trò chính trong vụ án khi bị phát hiện đã bỏ chạy thoát nhưng sau đó đã ra đầu thú nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Qua xem xét mức độ tham gia của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo H. C. V, N. X. T, P. X. H và N. V. H mức hình phạt bằng nhau.

Đối với bị cáo N. B. Q, xét bị cáo là người khuyết tật thần kinh tâm thần ở mức độ nặng. Theo Kết luận giám định số 1802/KLGĐ ngày 21/10/2022 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Miền Trung xác định trước, tại thời điểm gây án và thời điểm hiện tại, bị cáo N. B. Q bị động kinh cơn lớn, có biến đổi trí năng, nhân cách dẫn đến hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, cần được điều trị ngoại trú liên tục. Bị cáo cũng đã có Quyết định của Ủy ban

nhân dân xã D, huyện A, được nhận trợ cấp hằng tháng và giao cho gia đình điều trị bệnh, không có nghề nghiệp, không có thu nhập cá nhân. Do đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo. Xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, là người bị hạn chế khả năng nhận thức, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 34 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng như lời bào chữa của người bào chữa của bị cáo N. B. Q cũng phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

5.1. Về trách nhiệm dân sự: Không.

5.2. Về xử lý vật chứng: 03 hộp xúc xắc hình lập phương; 01 tờ giấy có in hình các con Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 01 tô nhôm; 01 đĩa nhôm; 01 tấm bạt và số tiền 7.690.000đ tiền Việt Nam (đã chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B bảo quản). Hội đồng xét xử xét thấy các vật chứng này trực tiếp liên quan đến vụ án; nên áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy 03 hộp xúc xắc hình lập phương; 01 tờ giấy có in hình các con Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 01 tô nhôm; 01 đĩa nhôm; 01 tấm bạt và đối với số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên áp dụng các quy định của pháp luật tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.690.000đ (bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

[6]. Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét thấy bị cáo N. B. Q là người bị khuyết tật tâm thần nên miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo N. B. Q và buộc các bị cáo H. C. V, N. X. T, P. X. H, N. V. H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo H. C. V và N. X. T;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo P. X. H và N. V. H;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 34 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo N. B. Q;

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 106, Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo H. C. V, N. X. T, P. X. H, N. V. H và N. B. Q phạm tội: "*Đánh bạc*".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo H. C. V **20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)**.

Xử phạt bị cáo N. X. T **20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)**.

Xử phạt bị cáo P. X. H **20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)**.

Xử phạt bị cáo N. V. H **20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)**.

Xử phạt bị cáo N. B. Q **hình phạt cảnh cáo**.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

3.1. Về trách nhiệm dân sự: Không.

3.2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy đối với 03 hộp xúc xắc hình lập phương; 01 tờ giấy có in hình các con Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 01 tô nhôm; 01 đĩa nhôm; 01 tấm bạt và tịch thu sung công quỹ Nhà nước 7.690.000đ (bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) tiền Việt Nam (hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B).

4. Về án phí: Bị cáo N. B. Q được miễn chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo H. C. V, N. X. T, P. X. H, N. V. H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo N. B. Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L